

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Năm báo cáo: 2021

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- |  |   |
|--|---|
| - Tên giao dịch                            | PETEC COFFEE JSC  |
| - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: | 0304263392  |
| - Vốn điều lệ:                             | 30 tỷ đồng  |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu:               | 30 tỷ đồng  |
| - Địa chỉ:                                 | 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, Tp.HCM |
| - Số điện thoại:                           | 028.35173215  |
| - Số fax:                                  | 028.35178571  |
| - Website:                                 | petecof.vn  |
| - E-Mail:                                  | coffee@petecof.vn   |
| - Mã cổ phiếu:                             | PCF   |
| - Quá trình hình thành và phát triển       |   |

Công ty cổ phần Cà phê PETEC là công ty được thành lập từ một Chi nhánh và ngành hàng kinh doanh của Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC). Tới nay, Công ty đã trải qua quá trình phát triển lâu dài, ổn định qua hơn 10 năm với uy tín cao trên thị trường. Cụ thể các giai đoạn phát triển của Công ty:

- |         |  |
|---------|--|
| 12/2005 | Công ty cổ phần Cà phê Petec là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một ngành hàng kinh doanh của Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC, theo Quyết định số 3146/QĐ-BTM của Bộ Thương mại về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Chi nhánh Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC tại tỉnh Lâm Đồng (số ĐKKD 305927, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04/07/1998) trực thuộc |
| 03/2006 | Công ty cổ phần Cà phê PETEC được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004521 lần đầu ngày   |
| 11/2007 | Công ty tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng thông qua phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho CBCNV, cổ đông hiện  |



2008 - nay Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cà phê PETEC phát triển trên 2 hướng chính: kinh doanh nông sản và kinh doanh xăng dầu.

Công ty cổ phần Cà phê PETEC hiện nay là hội viên Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam (VICOFA); kinh doanh xuất khẩu cà phê Robusta, là một trong 10 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê hàng đầu cả nước.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy CN ĐKDN số 0304263392 do  
- Các sự kiện khác

- + Ngày 24/3/2007, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007.
- + Ngày 05/4/2008, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008.
- + Ngày 11/4/2009, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009.
- + Ngày 19/3/2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.
- + Ngày 11/3/2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.
- + Ngày 12/3/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.
- + Ngày 09/5/2013, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
- + Ngày 14/5/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
- + Ngày 12/12/2014, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014.
- + Ngày 24/4/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
- + Ngày 06/5/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- + Ngày 27/3/2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- + Ngày 29/3/2017, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Cà phê PETEC chính thức giao dịch lần đầu trên Upcom - Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Mã CP: PCF).
- + Ngày 27/03/2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- + Ngày 19/04/2019, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- + Ngày 05/06/2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- + Ngày 23/04/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

## *2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- + Mua bán cà phê, nông lâm;
- + Mua bán thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu;



- + Mua bán phân bón;
- + Đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán nhớt, mỡ;
- + Mua bán thủy sản;
- + Kinh doanh kho bãi;
- + Đại lý bảo hiểm; Môi giới thương mại (trừ môi bất động sản);
- + Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô; Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô - đường thủy nội địa; Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường thủy nội địa qua biên giới Việt Nam;
- + Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- + Kinh doanh bất động sản.

Với mặt hàng chủ lực là cà phê và hạt tiêu, Công ty nâng cao uy tín trên thương trường quốc tế nhờ giá cả hợp lý, chất lượng hàng hóa cao, đạt yêu cầu thử nếm. Hiện nay, Công ty là bạn hàng tin cậy của nhiều công ty nhập khẩu cà phê từ những thị trường chủ lực như: Châu Á, EU, Mỹ...

- Địa bàn kinh doanh chính:
  - + Thành phố. Hồ Chí Minh
  - + Tỉnh Lâm Đồng, các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

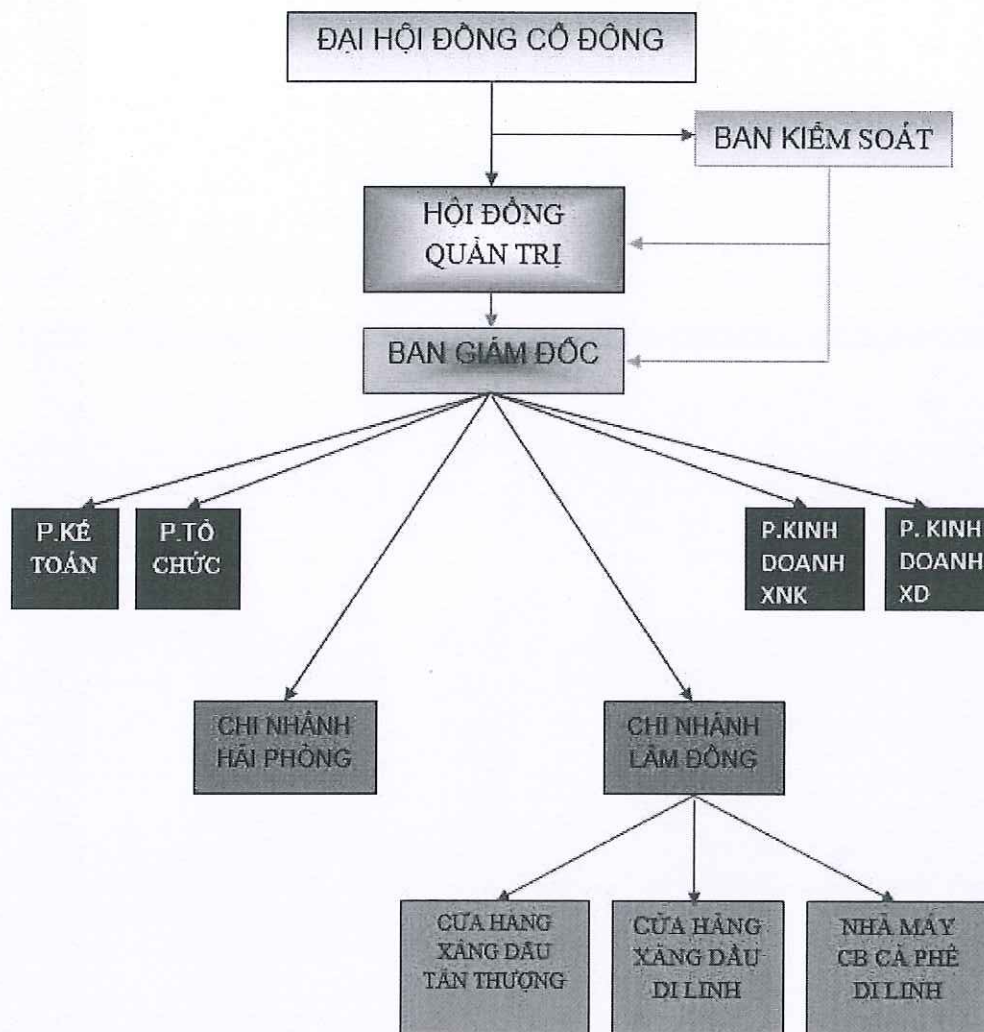
### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

| STT | Công ty                         | Địa chỉ   |
|-----|---------------------------------|---|
| 1   | Trụ sở chính                    | 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM.     |
| 2   | Chi nhánh Hải Phòng             | Số 55-57 Đường Vòng Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng   |
| 3   | Chi nhánh Lâm Đồng              | thôn Đồng Lạc, xã Đình Lạc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. |
| 3.1 | Cửa hàng xăng dầu Tân Thượng    | xã Tân Thượng, H.Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.                  |
| 3.2 | Cửa hàng xăng dầu Di Linh       | xã Đình Lạc, H.Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.                    |
| 3.3 | Nhà máy chế biến Cà phê Di Linh | xã Đình Lạc, H.Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.                    |

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần với chi tiết như sau:

### 3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của công ty cổ phần.



### 3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp và Điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của Công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.



### 3.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

### 3.4 Ban giám đốc

Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của công ty cổ phần.

### 3.5 Kế toán trưởng

Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của pháp luật và giúp Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc giám sát điều hành công tác tài chính, kiểm soát chi phí tại doanh nghiệp. Ngoài ra, kế toán trưởng chịu trách nhiệm thực hiện công tác báo cáo tài chính, kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế và các công việc liên quan đến tài chính kế toán tại doanh nghiệp.

### 3.6 Các phòng ban chức năng

Các phòng ban chức năng chịu sự quản lý trực tiếp của các Trưởng phòng ban và Ban Giám đốc, thực hiện các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

3.7 Các công ty con, công ty liên kết của Công ty con của Công ty cổ phần Cà phê PETEC: Không có

## 4. Định hướng phát triển

### ➤ Triển vọng ngành nông nghiệp xuất khẩu:

- Ngành nông nghiệp Việt Nam với nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực mang tầm vóc thế giới, trong đó xuất khẩu hạt tiêu đứng thứ nhất, gạo, cà phê, sắn đứng thứ hai, được nhận định trong thời gian tới sẽ có nhiều khởi sắc hơn, nhờ nhu cầu thị trường tăng, mở rộng áp dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản nông sản, gia tăng tỷ lệ thành phẩm cao cấp, có thêm các ưu đãi thuế theo lộ trình triển khai các cam kết hội nhập quốc tế.

- Riêng về ngành cà phê, trong nhiều năm qua, cà phê vẫn luôn là ngành hàng chiến lược của Việt Nam. Diện tích trồng cà phê tiếp tục tăng. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, nhu cầu mặt hàng cà phê ở mức cao và hiện vẫn tiếp tục tăng qua các năm.

- ✦ Triển vọng ngành xăng dầu:

- Cùng với tốc độ tăng trưởng nhanh của Việt Nam trong những năm gần đây, nhu cầu đi lại của người dân ngày càng tăng, từ đó thúc đẩy phát triển ngành xăng dầu. Cụ thể về ngành hàng xe máy, theo nhận định của một số chuyên gia, thị trường xe máy ở Việt Nam hiện nay tuy đang dần bão hòa song lượng tiêu thụ mặt hàng này vẫn tăng qua các năm. Về ngành hàng ô tô, hầu hết lãnh đạo các doanh nghiệp ô tô lớn tại Việt Nam đều có nhận định về sự tăng trưởng cao của thị trường ô tô trong thời gian tới, đặc biệt là nhu cầu ở các thành phố lớn. Điều này dẫn đến nhu cầu tiêu thụ xăng tăng cao.

## *5. Các rủi ro*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền;

Chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau;

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2021**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Doanh thu trong năm 2021 giảm so với năm 2020, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm so với năm 2020. Do vậy đã bù đắp được đa số định phí, làm giảm lỗ so với năm trước.



Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu  | Mã số | Năm 2021  | Năm 2020  | So sánh<br>2021/2020 |
|---|-------|-----------|-----------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                       | 01    | 284.536,3 | 287.922,4 | 98,7%                |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                 | 02    |           |           |                      |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10    | 284.536,3 | 287.922,4 | 98,7%                |
| 4. Giá vốn hàng bán   | 11    | 278.419,7 | 282.114,6 | 98%                  |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)   | 20    | 6.116,5   | 5.807,8   | 105%                 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                | 21    | 766,79    | 1.193,6   | 0,61%                |
| 7. Chi phí tài chính  | 22    | 1.486,82  | 1.331,5   | 112%                 |
| - Trong đó : chi phí lãi vay                                    | 23    | 366,65    | 389,86    | 94%                  |
| 8. Chi phí bán hàng   | 25    | 4.245,06  | 3.918,9   | 108%                 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                 | 26    | 2.441,83  | 1.725,07  | 141%                 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30 = 20+(21-22)-(25+26))   | 30    | -1290,4   | 25,83     | -47,5%               |
| 11. Thu nhập khác   | 31    | 1.365,5   | 300,023   | 455%                 |
| 12. Chi phí khác  | 32    |           | 18,119    |                      |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)                                 | 40    | 1.364,5   | 281,904   | 484%                 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)              | 50    | 74,1      | 307,736   | 0,42%                |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                                 | 51    | 0         | 0         |                      |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                  | 52    | 0         | 0         |                      |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)    | 60    | 74,1      | 307,74    | 42%                  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)                                | 70    | 25        | 103       | 42%                  |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

So với kế hoạch năm 2021 (đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua) thì:

Kế hoạch doanh thu đạt 284,5 tỷ đồng / 250 tỷ đồng kế hoạch,

Kế hoạch lợi nhuận đạt 74,1 triệu đồng /100 triệu đồng kế hoạch

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

| STT | Họ tên           | Chức vụ   |
|-----|------------------|---|
| 1   | Nguyễn Quốc Việt | Giám đốc (QĐ bổ nhiệm 000109/QĐ-PTCF ngày 24/04/2019)               |
| 2   | Nguyễn Xuân Duy  | Trưởng phòng - Phụ trách Phòng kế toán (QĐ bổ nhiệm 000335/QĐ-PTCF) |

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

3. Ông Nguyễn Quốc Việt - Giám đốc (QĐ bổ nhiệm 000109/QĐ-PTCF ngày 24/04/2019):

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| Giới tính                            | : Nam  |
| Năm sinh                             | : 1973                                       |
| Nơi sinh                             | : Hà Nội                                     |
| CMND                                 | : 011927906                                  |
| Quốc tịch                            | : Việt Nam                                   |
| Dân tộc                              | : Kinh                                       |
| Quê quán                             | : Hà Nội                                     |
| Địa chỉ thường trú                   | : 75 Rạch Bùng Binh, P9, Q.3, TP.HCM         |
| Số điện thoại liên lạc               | : 0913360290                                 |
| Trình độ chuyên môn                  | : Thạc sĩ                                    |
| Chức vụ công tác tại Công ty:        | : Giám đốc                                   |
| Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:    | : Không có                                   |
| Số CP nắm giữ (thời điểm 22/12/2016) | : 15.894 cổ phiếu, chiếm 0,53% Vốn điều lệ   |
| +Đại diện sở hữu:                    | : 581.183 cổ phiếu, chiếm 19,37% Vốn điều lệ |
| +Cá nhân sở hữu:                     | : 15.894 cổ phiếu, chiếm 0,53% Vốn điều lệ   |
| Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: | : Không có                                   |
| Những khoản nợ đối với Công ty:      | : Không có                                   |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác:   | : Không có                                   |



4. Ông Nguyễn Xuân Duy - Trưởng phòng – Phụ trách kế toán theo QĐ số 000335.

Giới tính: : Nam  
Năm sinh : 1978  
Nơi sinh : Hải Dương  
CMND : 024992667  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Hải Dương  
Địa chỉ thường trú : 306/40A Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q.Bình  
Thạnh, TP.HCM  
Số điện thoại liên lạc : 090 8282 368  
Trình độ chuyên môn : Đại học  
Chức vụ công tác tại công ty : T. Phòng  
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không  
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2021) : 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
+Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
+Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan : Không có  
Những khoản nợ đối với Công ty : Không có  
Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Nguyễn Xuân Duy - Trưởng phòng - Phụ trách kế toán theo QĐ số 000335.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Số lượng người lao động trong Công ty

| Yếu tố                                 | Số lượng(người) | Cơ cấu |
|--|-----------------|--------|
| Số lượng cán bộ công nhân viên (người) | 15              | 100%   |
| Phân theo trình độ chuyên môn          |                 |        |
| + Thạc sĩ                              | 01              | 7%     |
| + Đại học                              | 05              | 33%    |
| + Cao đẳng, trung cấp                  | 05              | 33%    |
| + Công nhân nghề và Lao động phổ thông | 04              | 27%    |

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

✚ Chính sách nhân sự chung:

Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn. Nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

✚ Chính sách lương thưởng:

Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng trên tinh thần hiệu quả công việc, về thời gian làm việc theo mùa vụ, và theo từng chức danh được phân công.

Hiện nay, bình quân thu nhập hàng tháng của người lao động của Công ty là 10.200.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập trung bình so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

✚ Chính sách đào tạo phát triển:

Công ty có chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo kỹ năng - chuyên môn trong suốt quá trình làm việc. Công ty chi trả các khoản học phí các khóa học đào tạo ngắn hạn và dài hạn nhằm khuyến khích nhân viên tự học, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

*3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a) Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

*4. Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu                          | Năm 2020        | Năm 2021        | % tăng giảm/<br>% |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 36.204.812.416  | 55.534.698.403  | 153%              |
| Doanh thu thuần                   | 287.922.453.168 | 284.536.251.943 | 98,8%             |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 25.831.880      | -1.290.400.022  | %                 |



|                            |             |               |        |
|----------------------------|-------------|---------------|--------|
| Lợi nhuận khác             | 281.904.303 | 1.365.491.785 | 484,3% |
| Lợi nhuận trước thuế       |             |               |        |
| Lợi nhuận sau thuế         | 307.736.183 | 74.091.763    | 24%    |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0           | 0             | 0      |

Trong năm 2021 Công ty đã trích lập dự phòng 1,2 tỷ đồng.

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

| Chỉ tiêu                                   | Năm 2020 | Năm 2021 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>  |          |          |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:               |          |          |         |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn               | 1,41     | 1,19     |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh                   |          |          |         |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho            | 1,31     | 0,98     |         |
| Nợ ngắn hạn                                |          |          |         |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>           |          |          |         |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                    | 0,36     | 0,58     |         |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                  | 0,56     | 1,39     |         |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>   |          |          |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho:                  |          |          |         |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân    |          |          |         |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản               | 7,95     | 5,1      |         |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>    |          |          |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,001    | 0,0003   |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | 0,013    | 0,0032   |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản    | 0,008    | 0,0013   |         |
| + Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần  | 0,001    | -0,0045  |         |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- + Tổng số cổ phần: 3.000.000 CP
- + Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.000.000 CP
- + Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông
- + Hạn chế chuyển nhượng:

\*Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm

\*Lý do hạn chế chuyển nhượng: Theo quy định tại Khoản 14.5, Điều 14 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cà phê PETEC: số cổ phần mà các thành viên Hội đồng quản trị sở hữu phải nắm giữ trong suốt thời gian đương nhiệm.

Danh sách như sau:

| Stt | Họ tên              | Số CMND      | Địa chỉ  | SLCP hạn chế chuyển nhượng |
|-----|---------------------|--------------|--|----------------------------|
| 1   | 2                   | 2            | 4  | 5                          |
| 1   | Nguyễn Thanh Hải    | 020399008    | 28 Lam Sơn, phường 2, Q.Tân Bình, Tp HCM                     | 602.440                    |
| 2   | Nguyễn Quốc Việt    | 011927906    | 75 Rạch Bùng Binh, P9, Q.3, TP.HCM (đảm nhiệm từ 01/05/2019) | 597.077                    |
| 3   | Nguyễn Thị Việt Ánh | 0380014296   | 184 Ngô Quyền, P. 9, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau                  | 2.570                      |
| 4   | Nguyễn Hoàng Tuấn   | 079086011038 | 137/6 Thống Nhất, P11, Q. Gò Vấp, TP.HCM                     | 581.183                    |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>    |              |  | <b>1.783.270</b>           |

b) Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/03/2021 (ngày chốt danh sách cổ đông tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam), như sau:



| Stt | Cổ đông            | Số lượng cổ đông | SLCP sở hữu | Tỷ lệ  |
|-----|--------------------|------------------|-------------|--------|
| 1   | Cổ đông trong nước | 448              | 3.000.000   | 100%   |
|     | - Tổ chức          | 14               | 2.405.345   | 80,18% |
|     | - Cá nhân          | 434              | 594.655     | 19,82% |
| 2   | Cổ đông nước ngoài | -                | -           | -      |
| 3   | Cổ phiếu quỹ       | -                | -           | -      |
|     | Tổng cộng          | 448              | 3.000.000   | 100%   |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: *không có*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *không có*

e) Các chứng khoán khác: *không có*

#### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Công ty kinh doanh mặt hàng nông sản xuất khẩu và kinh doanh xăng dầu, như sau:

6.1.1 Kinh doanh mặt hàng nông sản xuất khẩu: thuần túy về thương mại, trong năm không hoạt động chế biến hoặc phân loại hàng hóa nông sản nên không tác động đến môi trường;

6.1.2 Kinh doanh bán lẻ xăng dầu:

Công ty có 2 cửa hàng bán xăng dầu: Cửa hàng Xăng dầu Di Linh – Lâm Đồng và Cửa hàng xăng dầu Tân Thượng – Lâm Đồng do Chi nhánh Công ty cổ phần Cà phê PETEC tại Lâm Đồng quản lý điều hành, luôn chấp hành quy định về pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Các mặt hàng kinh doanh chính : Xăng, dầu, nhớt và mỡ.

+ Nguồn cung cấp xăng dầu : Tổng công ty PETEC - TCT Dầu Việt Nam (PV Oil).

+ Thời gian bán hàng : từ 5 giờ 30 phút đến 19 giờ 30 phút;

+ Nhân viên bán hàng : 04 người

+ Dung tích bồn chứa : \* Cửa hàng Di Linh: 49 m<sup>3</sup> (03 bồn); Số trụ bơm: 3 trụ bơm (01 trụ đôi, 02 trụ đơn).

\* Cửa hàng Tân Thượng: 75 m<sup>3</sup> (04 bồn); Số trụ bơm: 4 trụ bơm.

## 6.2. Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm và biện pháp khắc phục:

6.2.1. Khả năng ô nhiễm môi trường nước do xăng dầu rơi vãi trong quá trình nhập, xuất. Tuy nhiên, do quy trình nhập, xuất xăng dầu tại Cửa hàng được thực hiện rất chặt chẽ, nên khả năng rơi vãi xảy ra là rất ít.

Biện pháp xử lý: Lượng xăng dầu rơi vãi (nếu có) sẽ được thu gom vào hệ thống cống, rãnh, bể lắng để tách thu hồi. Các hồ gas được lót đáy bằng một lớp bao tải để lọc xăng dầu rơi vãi, định kỳ được thay và thu gom để xử lý.

Năm 2021, 2 Cửa hàng đã tiến hành lấy mẫu phân tích môi trường nước theo chương trình tự giám sát môi trường, kết quả đạt yêu cầu theo quy định.

6.2.2. Khả năng ô nhiễm môi trường do Bụi, các loại khí thải, rung, tiếng ồn phát sinh trong quá trình hoạt động.

Biện pháp xử lý: Lượng bụi đất, khí thải và tiếng ồn chủ yếu phát sinh do các phương tiện ra vào đổ xăng dầu thải ra. Do mật độ xe ít nên khí thải, tiếng ồn không đáng kể và tự phát tán. Tuy nhiên, để hạn chế ô nhiễm môi trường không khí trong khu vực, Cửa hàng chúng tôi đã tiến hành trồng nhiều cây xanh xung quanh và thường xuyên quét dọn, rửa sạch sẽ khu vực bán hàng.

Năm 2021, 02 Cửa hàng đã tiến hành đo không khí định kỳ theo chương trình tự giám sát môi trường, kết quả đạt yêu cầu theo quy định.

6.2.3. Khối lượng rác thải sinh hoạt hàng ngày và biện pháp xử lý (kg/ngày): Chủ yếu là rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình các phương tiện vào nhập, xuất xăng dầu và sinh hoạt của nhân viên bán hàng nên khối lượng là không đáng kể và hàng ngày nhân viên bán hàng có trách nhiệm thu gom vào vị trí quy định để xe rác của Trung tâm quản lý và khai thác công trình công cộng huyện Di Linh chở tới bãi rác tập trung xử lý. Rác thải sản xuất là các loại giẻ lau, bao tải lọc xăng dầu rơi vãi từ các hồ gas được thu gom (số lượng phát sinh hàng năm khoảng 0,5 kg) thiêu đốt.

6.2.4. Khối lượng rác thải độc hại và biện pháp xử lý (kg/ngày): không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không



### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

| Chỉ tiêu                       | Kỳ báo cáo này |
|--------------------------------|----------------|
| Số lao động đầu kỳ             | 18             |
| Số lao động cuối kỳ            | 15             |
| Số lao động bình quân          | 16             |
| Thu nhập bình quân (đ) / tháng | 10.200.000     |

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Trong năm 2021 đối với công nhân bán xăng dầu đều có chế độ dưỡng độc hại bằng hiện vật: uống sữa hàng ngày.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Các năm trước có tổ chức các lớp hoạch ngắn ngày về nghiệp vụ chuyên môn về kinh doanh, bán lẻ xăng dầu và phòng cháy chữa cháy

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương trong năm: không.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kế hoạch doanh thu đạt 284,53 tỷ đồng / 250 tỷ đồng kế hoạch, đạt 114%.

Kế hoạch lợi nhuận đạt 74,1 triệu đồng / 100 triệu đồng kế hoạch

- So với năm 2020, tình hình tài chính tiếp tục khó khăn, Công ty phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng với hạn mức 30 tỷ đồng.

- Mặt hàng xăng dầu sản lượng bán buôn tăng nhưng do Công ty bán hàng trả ngay 100% nên chiết khấu thấp.

#### 2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

(Đơn vị tính: đồng):

| TÀI SẢN                               | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A- TÀI SẢN NGÂN HÀNG</b>           | <b>38.464.487.635</b> | <b>18.494.110.017</b> |
| I. Tiền và tài sản ngang tiền         | 349.127.889           | 2.090.335.538         |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn         |                       |                       |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn      | 23.334.354.437        | 7.199.355.480         |
|                                       | 7.037.798.992         |                       |
| IV. Hàng tồn kho                      | 7.037.798.992         | 1.417.692.240         |
| V. Tài sản ngắn hạn khác              | 7.820.070.511         | 7.786.726.759         |
|                                       |                       |                       |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>16.993.346.574</b> | <b>17.710.702.399</b> |
| I. Các khoản phải thu dài hạn         |                       |                       |
| II. Tài sản cố định                   | 15.493.066.574        | 15.753.422.399        |
| III. Bất động sản đầu tư              |                       |                       |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 1.500.280.000         | 1.917.280.000         |
| V. Tài sản dài hạn khác               |                       |                       |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>              | <b>55.534.698.403</b> | <b>36.204.812.416</b> |

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

|                             | Số dư cuối kỳ này<br>(đ) | Khả năng trả nợ<br>(đ) |
|-----------------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>I. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN</b> |                          |                        |
| 1 Vay và nợ ngắn hạn        | 23.183.800.000           | 23.183.800.000         |
| <i>Trong hạn dưới 1 năm</i> | 23.183.800.000           | 23.183.800.000         |
| <i>Quá hạn trả</i>          |                          |                        |
| 2 Phải trả người bán        | 8.795.918.759            | 8.795.918.759          |
| <i>Trong hạn dưới 1 năm</i> |                          |                        |
| <i>Quá hạn trả</i>          | 8.795.918.759            | 8.795.918.759          |



|     |                                       |                    |                    |
|-----|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| 3   | Người mua trả tiền trước              | <b>10.000.000</b>  | <b>10.000.000</b>  |
|     | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>           | 10.000.000         | 10.000.000         |
|     | <i>Quá hạn trả</i>                    |                    |                    |
| 4   | Thuế và các khoản phải nộp NN         |                    |                    |
|     | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>           |                    |                    |
|     | <i>Quá hạn trả</i>                    |                    | -                  |
| 5   | Phải trả người lao động               | <b>105.496.701</b> | <b>105.496.701</b> |
|     | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>           | 105.496.701        | 105.496.701        |
|     | <i>Quá hạn trả</i>                    |                    | -                  |
| 6   | Chi phí phải trả                      |                    | -                  |
|     | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>           |                    | -                  |
| 7   | Phải trả nội bộ                       |                    | -                  |
|     | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>           |                    | -                  |
|     | <i>Quá hạn trả</i>                    |                    | -                  |
|     | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp    |                    |                    |
| 8   | đồng xây dựng                         |                    | -                  |
|     | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>           |                    | -                  |
|     | <i>Quá hạn trả</i>                    |                    | -                  |
|     | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn     |                    |                    |
| 9   | hạn khác                              | <b>199.668.241</b> | <b>199.668.241</b> |
|     | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>           | 199.668.241        | 199.668.241        |
|     | <i>Quá hạn trả</i>                    |                    | -                  |
| II. | PHẢI TRẢ DÀI HẠN                      |                    |                    |
| 1   | Phải trả dài hạn người bán            |                    |                    |
|     | <i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i> |                    |                    |
|     | <i>Trong hạn trên 2 năm đến 3 năm</i> |                    | -                  |
|     | <i>Trong hạn trên 3 năm</i>           |                    | -                  |
| 2   | Phải trả dài hạn nội bộ               |                    | -                  |
|     | <i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i> |                    | -                  |
|     | <i>Tro</i>                            |                    | -                  |
|     | <i>ng hạn trên 2 năm đến 3 năm</i>    |                    | -                  |

|   |                                       |   |
|---|---------------------------------------|---|
|   | <i>Trong hạn trên 3 năm</i>           | -   |
| 3 | Phải trả dài hạn khác                 |   |
|   | <i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i> |   |
|   | <i>Trong hạn trên 2 năm đến 3 năm</i> | -   |
|   | <i>Trong hạn trên 3 năm</i>           | -   |
| 4 | Vay và nợ dài hạn                     | -   |
|   | <i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i> | -   |
|   | <i>Trong hạn trên 2 năm đến 3 năm</i> | -   |
|   | <i>Trong hạn trên 3 năm</i>           | -   |
|   | <b>TỔNG CỘNG</b>                      | <hr/> <b>32.335.331.092      32.335.331.092</b> <hr/> |

### *3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

- Thực hiện một số các giải pháp nhằm khuyến khích củng cố tinh thần của những nhân sự chủ chốt và nhân viên có tay nghề cao cùng đồng lòng quyết tâm vượt qua giai đoạn khó khăn của Công ty.

- Đào tạo, bồi dưỡng và huấn luyện tất cả nhân viên có đầy đủ kiến thức và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc;.

- Quy hoạch đội ngũ quản lý, lãnh đạo phù hợp với mục tiêu phát triển từng năm và giai đoạn 5 năm.

- Cơ cấu lại tài sản

### *4. Kế hoạch phát triển trong tương lai*

- Công ty đẩy mạnh kinh doanh xăng dầu

- Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng xăng dầu, tiếp tục tìm kiếm thêm các cửa hàng mới nhằm tăng sản lượng bán lẻ. Đẩy mạnh công tác bán buôn xăng dầu, chủ yếu cung ứng cho các tàu nội địa và một số khách hàng công nghiệp.

- Công ty tăng cường kinh doanh hàng nông sản vì có sẵn tên tuổi, thương hiệu, có mạng lưới cung cấp hàng hóa tại Tây Nguyên và Đông Nam Bộ tương đối có uy tín, được nhiều khách hàng nước ngoài tin tưởng đặt mua. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu và kinh doanh nội địa với ngành hàng này. Bên cạnh đó, tăng cường tìm kiếm các mặt hàng mới ngoài các mặt hàng truyền thống là cà phê, hạt tiêu, hạt điều.

### *5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có*



6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Hoạt động của Công ty không ảnh hưởng xấu đối với Môi trường, Xã hội và Người lao động.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Ban điều hành quản lý công ty có nhiều kinh nghiệm trong ngành, cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty lành nghề, luôn có tinh thần trách nhiệm cao và ý thức làm việc hiệu quả, nỗ lực nâng cao chất lượng công việc, tạo điều kiện và nguồn lực để Công ty hoàn thành các kế hoạch đã đề ra;

Với những kết quả đạt được trong những năm qua, tập thể Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trong những năm tới: ngoài hai mặt hàng chủ lực là kinh doanh xăng dầu và nông sản; Công ty sẽ liên kết liên doanh với Công ty PETEC, các đơn vị kinh doanh vận tải xăng dầu khác tập trung vào hai lĩnh vực mang tính đột phá là Kinh doanh vận tải xăng dầu và kinh doanh văn phòng, địa ốc. Đây là hai mặt hàng kinh doanh mang lại lợi nhuận cao, tỉ lệ rủi ro thấp, và nhân tố quan trọng là sự quyết tâm cùng với kinh nghiệm từng trải trên thương trường của tập thể Ban lãnh đạo và nhân viên toàn Công ty.

#### **V. Quản trị công ty**

##### **1. Hội đồng quản trị**

##### **a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

| Stt | Họ tên             | Chức vụ         | Số CMND      | Cổ phần |          | Tỷ lệ<br>Biểu quyết |
|-----|--------------------|-----------------|--------------|---------|----------|---------------------|
|     |                    |                 |              | Cá nhân | Đại diện |                     |
| 1   | Nguyễn Thanh Hải   | Chủ tịch HĐQT   | 020399008    | 2.440   | 600.000  | 20,08%              |
| 2   | Nguyễn Quốc Việt   | P.Chủ tịch HĐQT | 011927906    | 15.894  | 581.183  | 19.9%               |
| 3   | Nguyễn T. Việt Ánh | Thành viên HĐQT | 380014296    | 2.570   |          | 0.086%              |
| 4   | Nguyễn Hoàng Tuấn  | Thành viên HĐQT | 079086011038 |         | 581.183  | 19.37%              |

Trong đó:

- 1) Thành viên là đại diện ủy quyền của TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC:

PETEC:

- a. Ông Nguyễn Thanh Hải
- b. Ông Nguyễn Quốc Việt
- c. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

2) Thành viên là đại diện ủy quyền của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau: Bà Nguyễn Thị Việt Ánh

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị, trong năm 2021 như sau:

| Stt | Thành viên HĐQT        | Chức vụ       | Ngày bắt đầu không còn là TV HĐQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|------------------------|---------------|-----------------------------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Thanh Hải   | Chủ tịch HĐQT |                                   | 5                   | 100%  |                     |
| 2   | Ông Nguyễn Quốc Việt   | Phó chủ tịch  |                                   | 5                   | 100%  |                     |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Việt Ánh | Thành viên    |                                   | 4                   | 80%   |                     |
| 4   | Ông Nguyễn Hoàng Tuấn  | Thành viên    |                                   | 3                   | 60%   |                     |
| 5   | Ông Hồ Hoàng Đức       | Thành viên    | 23/04/2021                        | 3                   | 60%   |                     |
| 6   | Ông Đinh Hoài Minh     | Thành viên    | 23/04/2021                        | 3                   | 60%   |                     |

+ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua.

- Giám sát chặt chẽ công tác quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính ở mức an toàn.

- Đảm bảo môi trường làm việc và thăng tiến, lương thưởng và các chế độ phụ cấp cho cán bộ công nhân viên.

+ Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT. HĐQT bổ nhiệm chức danh thư ký HĐQT để thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao

d. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung   |
|-----|------------------------------|------------|--|
| 1   | 00047/NQ-PCF                 | 05/03/2021 | + Thông qua dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 |



|   |                |            |   |
|---|----------------|------------|---|
| 2 | 000105/NQ-PCF  | 13/04/2021 | + Kết quả hoạt động SXKD 3 tháng đầu năm 2021   |
| 3 | 000121/NQ-PCF  | 23/04/2021 | + ĐHĐCĐ thường niên 2021 nhiệm kỳ 2021-2025 đã bầu ra các thành viên hội đồng quản trị, bầu Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT, kết quả SXKD quý 2 và kế hoạch SXKD cả năm 2021 |
| 4 | 000133/NQ-HĐQT | 29/04/2021 | + Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại NH BIDV- CN Bà Chiểu   |
| 5 | 000279/NQ-PCF  | 04/10/2021 | + Kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2021, kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2021  |

## 2. Ban Kiểm soát

| Stt | Thành viên BKS    | Chức vụ    | Ngày bắt đầu không còn là TVBKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-------------------|------------|---------------------------------|-------------------------|-------|---------------------|
| 1   | Nguyễn Hanh Hoàng | Trưởng BKS |                                 | 3                       | 60%   |                     |
| 2   | Phan Tiến Quân    | Thành viên |                                 | 3                       | 60%   |                     |
| 3   | Vũ Trọng Duy      | Thành viên |                                 | 3                       | 60%   |                     |
| 4   | Khru Kim Huê      | Thành viên | 23/04/2021                      | 3                       | 60%   |                     |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: theo quy định của Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật

Giám sát hoạt động của Công ty trong năm 2020 tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ. Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Ngoài lương và thù lao không có các khoản lợi ích khác và chi phí khác cho từng thành viên HĐQT và BKS; Thù lao đã nhận trong năm và đã bao gồm cả khấu trừ thuế 10%, như sau:

| Stt                      | Mã      | Họ và tên           | Thù lao            |
|--------------------------|---------|---------------------|--------------------|
| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> |         |                     |                    |
| 1                        | HD      | Nguyễn Thanh Hải    | 41.400.000         |
| 2                        | HD      | Nguyễn Thị Việt Ánh | 29.500.000         |
| 3                        | HD      | Hồ Hoàng Đức        | 8.200.000          |
| 4                        | HD      | Đinh Hoài Minh      | 8.200.000          |
| 5                        | HD      | Nguyễn Quốc Việt    | 25.500.000         |
| 6                        | HD      | Nguyễn Hoàng Tuấn   | 21.500.000         |
| <b>BAN KIỂM SOÁT</b>     |         |                     |                    |
| 1                        | TBKS    | Nguyễn Hanh Hoàng   | 21.500.000         |
| 2                        | TVBKS   | Phan Tiến Quân      | 8.000.000          |
| 3                        | TVBKS   | Vũ Trọng Duy        | 8.000.000          |
| 4                        | Đã nghỉ | Khưu Kim Huê        | 4.500.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         |         |                     | <b>176.300.000</b> |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm: không có giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: tuân thủ theo quy định Pháp luật và Điều lệ công ty về quản trị công ty...

## **VI. Báo cáo tài chính**

1. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán



và kiểm toán).

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021 kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty cổ phần Cà phê PETEC.

2. Ý kiến của Kiểm toán:

*“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cà phê PETEC tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quốc Việt**

